

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HS-PT
Ngày 11 - 11 - 2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Hiệp và ông Bùi Văn Biền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 97/2025/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn M do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn M, sinh ngày 12/02/1955 tại Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm F, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là xóm F, xã P, tỉnh Ninh Bình); nghề nghiệp: Làm ruộng (nguyên xóm trưởng xóm F); Là đảng viên Đ đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lại Thị C (đều đã chết); có vợ Lương Thị T1 và 05 con, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M: Ông Phạm Duy H - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình, có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị: (Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M được bầu giữ chức vụ Trưởng xóm F, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là xã P, tỉnh Ninh Bình) từ ngày 13/3/2012 đến 30/9/2018 và Bí thư Chi bộ nhiệm kỳ 2017-2020, kiêm Trưởng ban công tác mặt trận khu dân cư xóm F, xã K từ ngày 26/9/2018 đến 15/3/2020. Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; ngày 11/01/2016, UBND xã K ban hành Quyết định về việc phê duyệt thiết kế thi công dự toán xây dựng công trình nhà văn hóa xóm F xã K với số tiền 253.247.647 đồng từ nguồn ngân sách Nhà nước, nhân dân đóng góp và một số nguồn huy động hợp pháp khác. Công trình xây dựng trên thửa đất số 250, tờ bản đồ số 06, diện tích 1227,5m² đất nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà do UBND xã K quản lý. Để chủ động nguồn kinh phí theo sự đóng góp của nhân dân, UBND xã K ra quyết định chỉ định thầu công trình xây dựng cho Nguyễn Văn M.

Ngày 15/12/2016, Nguyễn Văn M đã triệu tập các ban ngành đoàn thể của xóm F, xã K nội dung xây dựng nhà văn hóa xóm F; trong đó kinh phí xây dựng từ ngân sách Nhà nước và quyên góp ủng hộ của nhân dân; đồng thời, thành lập Ban kiến thiết xây dựng nông thôn mới trong đó có Nguyễn Văn M để chỉ đạo việc xây dựng nhà văn hóa. Sau đó, Nguyễn Văn M thuê Công ty TNHH X (Doanh nghiệp X1) do ông Nguyễn Văn B - Giám đốc thi công xây dựng nhà văn hóa theo thiết kế đã được UBND xã K phê duyệt. M và ông B chỉ thỏa thuận miệng (không ký hợp đồng); việc thi công xây dựng theo bản vẽ thiết kế do M cung cấp, chi phí khoán gọn 2.670.000đồng/m², chi phí phát sinh tính riêng. Đến đầu năm 2017, công trình nhà văn hóa xóm F được xây dựng xong nghiệm thu và đi vào hoạt động.

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng nhà văn hóa, M đã tự quyết định xây dựng thêm một số hạng mục như tường bao, nhà vệ sinh, kê bờ ao, san nền... dẫn đến tổng kinh phí xây dựng tăng lên 904.668.500 đồng. Nguyễn Văn M đã huy động được số tiền 484.820.000 đồng (gồm nhân dân đóng góp 103.500.000 đồng, tiền nông thôn mới 17.000.000 đồng, tiền xóm còn 14.550.000 đồng, tiền ủng hộ 244.770.000 đồng, UBND huyện K cấp 25.000.000 đồng, UBND xã K cấp 30.000.000 đồng, UBND tỉnh cấp 50.000.000 đồng). M đã chi mua bàn ghế, cờ cho nhà văn hóa 15.149.500 đồng và thanh toán cho anh B số tiền 469.670.500 đồng; còn nợ lại số tiền 434.998.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Văn M nhiều lần họp xóm để tìm phương án trả nợ nhưng người dân không đồng ý đóng góp, ủng hộ thêm. Đến ngày 17/4/2018, tại nhà văn hóa xóm F, xã K, Nguyễn Văn M đã chủ trì tổ chức họp với sự tham gia của tập thể nhân dân xóm 6 và đưa ra ý kiến của mình về việc cho thuê một phần diện tích đất thuộc quy hoạch đất xây dựng nhà văn hóa xóm F để lấy tiền trả nợ tiền xây dựng nhà văn hóa còn thiếu, được những người tham gia nhất trí.

Ngày 15/02/2019, tại nhà ở của M với sự chứng kiến của nhiều người dân và Ban công tác mặt trận xóm F, M ký hợp đồng cho thuê mặt bằng với ông Phạm Văn B1, với nội dung: Đồng ý cho ông B1 thuê một phần diện tích đất kích thước (6x34) mét thuộc quy hoạch nhà văn hóa xóm F; thời gian thuê 45 năm, giá tiền thuê 434.000.000 đồng, cùng ngày ông B1 đã giao đủ số tiền 434.000.000 đồng cho M.

Quá trình cho thuê đất, M không báo cáo với cơ quan có thẩm quyền từ UBND xã K đến UBND huyện K; sau khi nhận tiền thuê đất từ ông B1, M đã bỏ thêm số tiền 998.000 đồng của cá nhân bị cáo cùng với số tiền 434.000.000 đồng (tiền cho thuê đất) để trả nợ số tiền 434.998.000 đồng còn thiếu cho anh B.

Sau đó, ông B1 đã xây dựng một ngôi nhà cấp 4 lợp mái tôn, bên trong có 03 phòng ngủ, 01 phòng khách, 01 gác xép, nhà tắm và nhà vệ sinh; trước và sau nhà đều dựng 01 lán bằng kim loại, lợp mái tôn. Tường xây bằng gạch Tuynel dày 0,11m, cao 1,65m đang tận dụng mượn tường nhà văn hóa xóm 6, phần bít tôn cao 2,3m; cửa chính sắt bít tôn, cửa sổ nhôm kính, nền nhà bê tông xi măng, nhà có hệ thống điện ba pha, móng gạch Tuynel. Nhà xây dựng cho vợ chồng anh T1 và chị H1 là con gái và con rể của ông B1 ở.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, kết quả: Khu đất của nhà văn hoá xóm F, xã K hướng Tây giáp đường liên xóm F; hướng Đông và hướng Nam giáp cánh đồng lúa; hướng Bắc giáp nhà ông P, ông B2 thuộc xóm F. Tường bao phía Tây dài 18,44m; phía Đông dài 19,6m; phía Nam dài 45,46m; phía Bắc dài 47,81m được xây bằng gạch bên trên là hàng rào bằng kim loại cao 1,8m; cổng nhà văn hóa đặt phía Tây. Tại vị trí đất phía Bắc nhà văn hóa xóm F có 01 ngôi nhà cấp 4 kích thước (23x6)m xây bằng gạch, mái lợp tôn xộp, phần mái nhà cao 05m dốc về hai phía Đông - Tây, điểm thấp nhất cao 4,1m, có 01 phòng khách kích thước (7x6)m, 03 phòng ngủ gồm 02 phòng có kích thước (3,5x4,7)m và 01 phòng kích thước (5x4,7)m, 01 phòng ăn kích thước (4x6)m. Phía trước nhà dựng 01 lán bằng kim loại và tôn, mái lợp tôn kích thước (16 x 6)m; phía sau dựng 01 lán bằng kim loại và tôn, mái lợp tôn kích thước (6x6)m; bên trong xây dựng nhà tắm, nhà vệ sinh bằng gạch và bê tông kích thước (1,8x3,5)m. Tường xây bằng gạch Tuynel dày 0,11m, cao 1,65m đang tận dụng mượn tường nhà văn hóa xóm 6, phần bít tôn cao 2,3m; cửa chính sắt bít tôn, cửa sổ nhôm kính, nền nhà bê tông xi măng, nhà có hệ thống điện ba pha, móng gạch Tuynel.

Tại Kết luận giám định tư pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N ngày 09/9/2024, kết luận: “*Căn cứ theo khoản 2 Điều 59 Luật Đất đai năm 2013 quy định thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc UBND cấp huyện. Mặt khác, tại khoản 1 Điều 56 Luật Đất đai năm 2013 quy định các trường hợp Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm hoặc thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê không có trường hợp hộ gia đình, cá nhân được thuê đất để xây dựng nhà ở. Vì vậy, việc ông Nguyễn Văn M ký hợp đồng cho ông Phạm Văn B1 thuê đất thuộc quy hoạch đất của Nhà văn H2 xóm F, xã K với thời hạn 45 năm, giá thuê là 434.000.000 đồng như nêu trong phần nội dung vụ việc là không đúng thẩm quyền và vi phạm pháp luật về đất đai*”.

Tại Kết luận giám định số 797/KL-KTHS-TL ngày 23/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: “*Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết mang tên Nguyễn Văn M dưới mục “Đại diện Ban công tác mặt trận xóm” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1; dưới mục “Chủ tọa” tại trang 36; trang 39; trang 41; trang 42 trên*

tài liệu cần giám định ký hiệu A3 và các chữ viết, chữ ký dạng chữ viết mang tên Nguyễn Văn M trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký dạng chữ viết, chữ viết tại các mục được mô tả trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M10 là chữ do cùng một người ký, viết ra.”

Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KLĐG ngày 03/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện K kết luận: “*Công trình nhà cấp 4 của ông Trần Ngọc T2 tại xóm F, xã K được xây dựng ở phía Bắc, giáp nhà văn hóa xóm F, xã K. Công trình gồm 01 ngôi nhà được xây bằng gạch, mái lợp tôn xộp kích thước (23x6)m, phần mái nhà cao 05m dốc về hai phía Đông, T3, điểm thấp nhất cao 4,1m bên trong xây dựng 01 phòng khách, 03 phòng ngủ và 01 phòng ăn; Phía trước nhà dựng 01 lán bằng kim loại và tôn, mái lợp bằng tôn kích thước (6x6)m, bên trong xây dựng nhà tắm, nhà vệ sinh bằng gạch và bê tông kích thước (1,8 x 3,5)m thời điểm định giá tính đến tháng 09/2024 là 386.296.000 đồng.*”

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KLĐG ngày 05/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện K kết luận: “*Giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất có đặc điểm: Thửa đất thuộc quy hoạch đất của nhà văn hóa xóm F, xã K, huyện K; chiều ngang 06m, chiều dài 45m (trong đó 11m là lưu không đường trực liên xóm) tại thời điểm định giá ngày 15/2/2019 là 48.600.000 đồng.*”

Vật chứng thu giữ theo hồ sơ vụ án gồm: Thu của Nguyễn Văn M 01 sổ hợp nghị quyết xóm 6; 01 tờ giấy ghi chép tổng hợp số tiền thu được để xây nhà văn hóa xóm F. Thu của ông Phạm Văn B1 01 hợp đồng thuê đất lập ngày 15/2/2019; 01 giấy giao nhận tiền ngày 15/2/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, ông Phạm Văn B1 yêu cầu Nguyễn Văn M trả lại số tiền thuê đất 434.000.000 đồng, hiện M chưa thanh toán cho ông B1. Đối với kinh phí xây dựng nhà và tháo dỡ công trình, ông B1 đề nghị sẽ thống nhất với chính quyền xã K xem xét hỗ trợ sau khi vụ án được giải quyết xong. Trong thời gian chuẩn bị xét xử Nguyễn Văn M đã tự nguyện nộp số tiền 100.000.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Ninh Bình để khắc phục một phần hậu quả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình đã căn cứ điểm c khoản 2 Điều 357; các điểm b, s, o, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Điều 123; khoản 4 Điều 142; khoản 5 Điều 275; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”; xử phạt Nguyễn Văn M 05 năm tù. Ngoài ra, án sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 06/9/2025, bị cáo Nguyễn Văn M kháng cáo xin giảm hình phạt và

hưởng án treo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu chứng minh nộp toàn bộ số tiền 334.000.000 đồng để khắc phục hậu quả và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 26/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình theo hướng áp dụng thêm tình tiết người phạm tội là người khuyết tật nặng và sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 03 năm tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 05 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm; về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo không phải chịu.

Quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tất cả các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo đã xuất trình tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm; đồng thời, xem xét thêm tình tiết người phạm tội là người khuyết tật nặng được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giảm hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình. Bị cáo nhất trí với quan điểm của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị xem xét hoàn cảnh gia đình và bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo để giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, đơn thể hiện đầy đủ nội dung quy định tại khoản 2 Điều 332 của Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp lệ cần được cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn M thừa nhận các tình tiết ghi trong bản án sơ thẩm đúng với diễn biến của vụ án; lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Xuất phát từ động cơ, mục đích vụ lợi tập thể, cũng như uy tín của bị cáo và để có tiền trả nợ xây dựng nhà văn hóa; với tư cách Trưởng xóm, Bí thư Chi bộ Nguyễn Văn M đã cho thuê diện tích (6 x 34)m đất của nhà văn hóa xóm F, thời hạn 45 năm không những gây thiệt hại cho Nhà nước mà còn gây thiệt hại cho gia đình ông Phạm Văn B1 số tiền 434.000.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Văn M đã vi phạm khoản 2 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2013. Bản thân, Nguyễn Văn M là người có chức vụ và quyền hạn tại địa phương, khi thực thi công vụ biết rõ mình không có quyền cho thuê đất nhưng vẫn cho gia đình ông Nguyễn Văn B3 thuê khu đất trồng diện tích 210m² trong khuôn viên Nhà văn hóa xóm F, xã K để làm nhà ở. Hành vi cho thuê đất của bị cáo Nguyễn Văn

M đã vi phạm Điều 56 và Điều 59 của Luật Đất đai năm 2013 quy định về thẩm quyền giao đất, cho thuê đất.

Việc bị cáo Nguyễn Văn M tự ý cho ông Nguyễn Văn B3 thuê đất thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là xã P, tỉnh Ninh Bình) là lạm quyền và xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác quản lý đất đai. Vì vậy, bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn M, Hội đồng xét xử thấy: Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục một phần hậu quả; tính đến ngày xét xử bị cáo đã 70 tuổi; bản thân bị cáo được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì; quá trình công tác được tặng thưởng nhiều Giấy khen. Các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm áp dụng được quy định tại các điểm b, s, o, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với tình tiết “Người phạm tội là người khuyết tật nặng”, cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo là chưa chính xác, vì tại Quyết định về việc trợ cấp xã hội số 19/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình (cũ) đã xác định “Trợ cấp cho ông Nguyễn Văn M... Là đối tượng người khuyết tật nặng từ đủ 60 tuổi trở lên”. Do vậy, cấp phúc thẩm áp dụng điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền 334.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Xét hành vi phạm tội của bị cáo không tư lợi cá nhân và bị cáo có nhân thân tốt; tiền án, tiền sự chưa có, phạm tội lần đầu; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đặc biệt bị cáo đang bị bệnh ung thư tuỷ nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo được nhân dân tín nhiệm, bầu làm xóm trưởng lẽ ra bị cáo phải gương mẫu, luôn thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, cũng như chức năng nhiệm vụ được Nhà nước và nhân dân giao phó nhưng bị cáo không làm được điều đó mà lại thực hiện công việc một cách trái quy định của pháp luật, vượt quá thẩm quyền cho phép. Hành vi của bị cáo thuộc tội phạm rất nghiêm trọng và gây thiệt hại 434.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Đối với số tiền 334.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Văn M đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình được ghi nhận và đối trừ khi thi hành án.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 357; các điểm b, s, o, p, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn M đã nộp số tiền 334.000.000 đồng (ba trăm ba mươi tư triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000322 ngày 26/8/2025 và Biên lai thu tiền số 0000809 ngày 20/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để đối trừ khi thi hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn M không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Ninh Bình;
- Phòng GDKTTT&THA Tòa án tỉnh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình;
- TAND khu vực 4 - Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4 - Ninh Bình;
- Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã Phát Diệm;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận HCTP;
- Tòa Hình sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đức Thủy